

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐÔN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 26/2020/HSST.

Ngày 25/9/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Y Ngọc Ê Ban – Bí thư Đoàn xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn.

2/ Ông Hoàng Văn Thu – Phó chủ tịch UBND xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn.

*Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 25/9/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/HSST ngày 09/9/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 14/9/2020 đối với các bị cáo:

**1. Họ tên: Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1960.

Vợ: Đinh Thị Hoài T, sinh năm 1990 có 02 con ruột, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2009/HSST. Ngày 13/3/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ, về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 93/2018/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của các bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 26/6/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

**2. Họ tên: Y M**, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2002 tại tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Nơi cư trú: Buôn B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Con ông Lê Văn T, sinh năm 1978 và bà H Đ, sinh năm: 1981.

Vợ H V, sinh năm 2001, có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ có ông Hoàng Văn C – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Y M, có ông Nguyễn Hữu H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- **Người bị hại:** Bà Quyết thị Bắc M – sinh năm 1993.

Và ông Lã Minh T – sinh năm 1987.

Đều cư trú tại: Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt)

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà H Đ (mẹ bị cáo Y M) – sinh năm 1981.

và ông Lê Văn T (bố bị cáo Y M) –sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Buôn B, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt)

- Chị Đinh Thị Hòa T – sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông Trần Văn N – sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình bà Quyết Thị Bắc M, ông Lã Minh T đang thi công xây dựng một ngôi nhà tại buôn E, xã K, huyện B, ngày 10/6/2020 gia đình bà M mua tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại và Nội thất T, địa chỉ tại số 06, TP. B, tỉnh Đắk Lắk 02 bồn chứa nước inox nhãn hiệu Sơn Hà loại 1000 lít và 2000 lít. Chiều ngày 21/6/2020 sau khi thợ xây nghỉ thì số tài sản trên được bà M để ở sân của ngôi nhà đang xây, không có người trông coi. Khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, Nguyễn Văn Đ, SN: 1983, trú buôn E, xã K, huyện B khi đi ngang qua ngôi nhà bà M đang xây, thấy bồn chứa nước để ngoài sân nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp về sử dụng. Đ gọi điện thoại rủ Y M, sinh ngày 25/8/2002, trú buôn B, xã K, huyện B giúp mình đi trộm cắp bồn nước nói trên, được Y M đồng ý, Đ hẹn Y M chờ thời điểm đêm khuya sẽ đi. Đến khoảng 23 giờ 15 cùng ngày, Đ gọi điện cho Y M hẹn đến nhà mình, sau đó cả hai đi bộ từ nhà Đ đến nhà bà M, chọn lúc vắng người không có phương tiện qua lại trên đường, cả hai khiêng bồn chứa nước dung tích 2000 lít từ sân ra lề đường. Sau khi khiêng bồn chứa nước ra lề đường, Đ và Y M về lấy xe lô của Đ đến vị trí chở bồn chứa nước, cả hai khiêng bồn lên rơ – mooc xe, do Đ điều khiển còn Y M đứng trên rơ – mooc để giữ bồn và chở về nhà Đ, sau đó cả hai khiêng xuống để phía sau nhà của Đ, mục đích để Đ sử dụng chứa nước mưa sinh hoạt. Tiếp đó Đ rủ Y M quay trở lại định tiếp tục trộm cắp bồn chứa nước dung tích 1000 lít mang về cho nhà Y M sử dụng nhưng Y M từ chối, Đ đã trả công cho Y M số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Đến khoảng 09 giờ ngày 22/6/2020 bà M đến công trình thì phát hiện bị mất bồn chứa nước nên trình báo Công an xã K; ngoài ra bà M còn trình báo bị mất 01 máy bơm nước, loại bơm KAMA không rõ nhãn hiệu, có công suất khoảng 01 mã lực, mua và sử dụng được khoảng 02 năm, là công cụ sử dụng phục vụ việc xây nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-ĐGTS ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định giá trị của bồn

chứa nước tại thời điểm bị trộm cắp vào ngày 13/5/2020 là 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐGTS ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy: VAVLC152FMH003522, xe đã cũ không rõ màu sơn, không có biển kiểm soát; 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe có trị giá là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã tạm giữ:

- 01 bồn chứa nước bằng kim loại nhãn hiệu SƠN HÀ, Quá trình điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình bà Quyết Thị Bắc M là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy: VAVLC152FMH003522, xe đã cũ không rõ màu sơn, không có biển số; do Nguyễn Văn Đ mua lại của ông Trần Văn N, cư trú tại thôn A, xã T, huyện B và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe là phương tiện Đ dùng trộm cắp, đây là tài sản chung của Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Hoài T.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0139348 mang tên Trần Quốc S do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/8/2005;

Tại Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M khai nhận toàn bộ hành vi do các bị cáo thực hiện phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, đánh giá, phân tích tính chất vụ án, những chứng cứ về hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Y M tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm o khoản 1 Điều 52; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 26/6/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm a, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Y M từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại 01 chiếc bồn chứa nước nhãn hiệu Sơn Hà cho gia đình bà Quyết Thị Bắc M là chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị tịch thu 1/2 giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy: VAVLC152FMH003522, xe đã cũ không rõ màu sơn, không có biển số và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe là phương tiện bị cáo Nguyễn Văn Đ dùng trộm cắp để sung Ngân sách Nhà nước với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Đề nghị tuyên trả cho Nguyễn Văn Đ 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0139348 mang tên Trần Quốc S do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/8/2005;

Đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng do Y M giao nộp là số tiền do thu lợi bất chính mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Quyết Thị Bắc M và ông Lã Minh T đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng không có ý kiến tranh luận gì, về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo hành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ và mẹ già yếu, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H M: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng không có ý kiến tranh luận gì, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nhận thức có phần hạn chế, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, gia đình thuộc hộ nghèo Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không cần cách ly mà cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 15 ngày 21/6/2020 Nguyễn Văn Đ đã rủ Y M trộm cắp của gia đình bà Quyết Thị Bắc M 01 bồn chứa nước dung tích 2000 lít nhãn hiệu Sơn

Hà, tài sản mà Nguyễn Văn Đ và Y M trộm cắp có giá trị 5.400.000đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hành vi do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự,

**Tại Điều 173. Bộ luật hình sự quy định:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm;*

Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò cũng như tính chất, mức độ và hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử lý cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ có vai trò chính trong vụ án, rủ rê xúi dục bị cáo Y M là người dưới 18 tuổi phạm tội (khi phạm tội Y M 17 tuổi 09 tháng 16 ngày), bị cáo có nhân thân xấu do đó cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn.

Đối với bị cáo Y M khi được Nguyễn Văn Đ rủ đi trộm cắp thì bị cáo tiếp nhận ý chí tích cực do đó cũng cần có mức hình phạt đủ nghiêm đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội) quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo thuộc hộ nghèo, do đó các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M được áp dụng tình tiết quy định tại Điểm h (phạm tội gây thiệt hại không lớn), Điểm s (người phạm tội thành khẩn khai báo); khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Y M còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm a khoản 1 Điều 51 BLHS (Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm), Điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), bị cáo là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét đề nghị của Kiểm sát viên cũng như người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét cần cách ly bị cáo Nguyễn Văn Đ ra khỏi xã hội một thời gian nhằm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo H M do có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự và là người dưới 18 tuổi phạm tội, có vai trò thứ yếu, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền định phương và gia đình cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại 01 chiếc bồn chứa nước nhãn hiệu Sơn Hà cho gia đình bà Quyết Thị Bắc M là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy: VAVLC152FMH003522 và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe là công cụ, phương tiện do bị cáo Nguyễn Văn Đ dùng trộm cắp được định giá là 1.000.000đ (một triệu đồng), theo quy định của pháp luật thì phải tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, nhưng do đây là tài sản chung của gia đình bị cáo. Do đó, cần tịch thu 1/2 giá trị với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy VAVLC152FMH003522, xe đã cũ không rõ màu sơn, không có biển số và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe cho gia đình Nguyễn Văn Đ.

- Trả cho Nguyễn Văn Đ 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0139348 mang tên Trần Quốc S do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/8/2005.

- Tịch thu số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do bị cáo Y M giao nộp theo biên lai số 11528 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk đây là số tiền do thu lợi bất chính mà có

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Quyết Thị Bắc M và ông Lã Minh T đã nhận lại tài sản tại phiên tòa không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Y M thuộc hộ nghèo, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo H M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 26/6/2020.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm a, h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Y M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao người bị kết án Y M cho UBND xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại 01 chiếc bồn chứa nước nhãn hiệu Sơn Hà cho gia đình bà Quyết Thị Bắc M là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu 1/2 giá trị đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy: VAVLC152FMH003522 và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe là công cụ, phương tiện do bị cáo Nguyễn Văn Đ dùng phạm tội, số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SOCO, số khung: VAVDCH044AV003522, số máy VAVLC152FMH003522, xe đã cũ không rõ màu sơn, không có biển số và 01 (một) rơ-mooc bằng kim loại được chế tạo thủ công, chiều dài 3,70 mét; rộng 84,5 cm, có 02 (hai) bánh xe nêu trên cho gia đình Nguyễn Văn Đ.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Buôn Đ và Chi cục thi hành án huyện B ngày 09/8/2020)

- Trả cho Nguyễn Văn Đ 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0139348 mang tên Trần Quốc S do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/8/2005 (theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu ngày 26/6/2020 của Công an huyện B).

- Tịch thu số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) do bị cáo Y M giao nộp theo biên lai số 11528 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk đây là số tiền do thu lợi bất chính mà có.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Quyết Thị Bắc M và ông Lã Minh T đã nhận lại tài sản tại phiên tòa không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

5/ Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Y M thuộc hộ nghèo, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

- Chi cục THADS huyện;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

**Bùi Xuân Sơn**